

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án  
xây dựng đô thị thông minh thành phố Sầm Sơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH1;*

*Căn cứ Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/2/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;*

*Căn cứ Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư xây dựng Chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;*

*Căn cứ quyết định số 4173/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng đô thị thông minh thành phố Sầm Sơn;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 3657/SKHĐT-TĐ ngày 26/6/2020 về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Xây dựng đô thị thông minh thành phố Sầm Sơn (kèm theo Tờ trình số 1771/TTr-UBND ngày 15/5/2020 của UBND thành phố Sầm Sơn).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án xây dựng đô thị thông minh thành phố Sầm Sơn, với nội dung chính như sau:

- 1. Tên dự án:** Xây dựng đô thị thông minh thành phố Sầm Sơn.
- 2. Nhóm dự án:** Dự án nhóm C.

**3. Chủ đầu tư:** UBND thành phố Sầm Sơn.

**4. Đơn vị tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:** Công ty TNHH tin học thương mại công nghệ và tư vấn ICT.

**5. Mục tiêu đầu tư:** Xây dựng đô thị thông minh nhằm đảm bảo chức năng điều hành, giám sát và tổng hợp trong các lĩnh vực: An ninh trật tự, an toàn giao thông, công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống thiên tai, đấu tranh, phòng ngừa các thế lực thù địch trên không gian mạng; quảng bá, giới thiệu hình ảnh thành phố tới du khách; sẵn sàng cho việc nâng cấp, mở rộng tích hợp cho đô thị thông minh trong tương lai với mục tiêu phát triển thêm các dịch vụ thành phố thông minh về giáo dục và đào tạo, y tế, quản lý tài nguyên và môi trường. Hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, vấn đề môi trường sống và làm việc của người dân tốt hơn, trở thành một thành phố thông minh; từng bước thiết lập cơ sở hạ tầng tiên tiến cho sự phát triển của thành phố mới nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống để người dân và du khách được thụ hưởng các tiện ích, góp phần quan trọng trong thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và các mục tiêu phát triển bền vững.

### **6. Nội dung, quy mô đầu tư**

6.1. Xây dựng trung tâm điều hành đô thị thông minh: Cải tạo phòng chức năng thuộc trụ sở UBND thành phố Sầm Sơn, đảm bảo các điều kiện cho việc giám sát, điều hành các hoạt động, xử lý các vụ việc, tình huống liên quan đến an toàn giao thông, an ninh trật tự, ứng cứu khẩn cấp, cung cấp các thông tin cho người dân về các dịch vụ hành chính công và dịch vụ công ích,... gồm các hạng mục:

- Cải tạo nội thất: Ốp gỗ trần, sàn và tường xung quanh phòng điều hành và tường xung quanh phòng điều hành; bàn ghế văn phòng cho các cán bộ làm việc; hệ thống điện, dây dẫn mạng.

- Hệ thống trang thiết bị: Hệ thống màn hình tấm ghép; trang thiết bị công nghệ thông tin; trang thiết bị phòng máy chủ; hệ thống IOC; phần mềm phản ánh hiện trường; License Win servers.

6.2. Hệ thống tin nhắn chào mừng khách du lịch: Thuê gói dịch vụ với số lượng tin nhắn trung bình 350.000 SMS/tháng.

6.3. Hệ thống quản lý và giám sát danh tiếng: Thuê gói dịch vụ, sử dụng 1 Block các từ khóa để kiểm soát, theo dõi danh tiếng chung của thành phố Sầm Sơn và danh tiếng riêng của các lãnh đạo thành phố; thời gian thuê 24 tháng.

6.4. Hệ thống Wifi công cộng: Lắp đặt thiết bị phát sóng Wifi tại 05 vị trí (Điểm giao đường Hồ Xuân Hương - Tây Sơn, Hồ Xuân Hương - Bà Triệu, Hồ Xuân Hương - Lê Lợi, đường Thanh Niên - Tây Sơn, Thanh Niên - Nguyễn Văn Cừ).

6.5. Hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, nhận diện khuôn mặt, đo đếm lưu lượng phương tiện và xử lý vi phạm giao thông.

- Lắp đặt hệ thống camera an ninh và giám sát giao thông: 125 camera Bullet và 05 camera PTZ tại các nút giao thông, dọc bãi biển và các khu danh thắng trong khu vực thành phố Sầm Sơn.

- Lắp đặt hệ thống camera nhận diện khuôn mặt: 04 camera Bullet tại các khu vực trụ sở UBND thành phố Sầm Sơn, bãi gửi xe trước Đền Độc Cước, khu vực Quảng trường biển, khu vực Chợ Đêm.

- Lắp đặt hệ thống camera chuyên dụng trên các xe tuần tra di động của lực lượng chức năng: 06 camera dome.

- Lắp đặt hệ thống camera đo đếm lưu lượng và phân loại phương tiện, nhận diện biển số xe, xử lý vi phạm đèn tín hiệu giao thông: 10 camera giao thông chuyên dụng tại các ngã tư đường Lê Lợi - Nguyễn Du, Trần Nhân Tông - Trần Hưng Đạo.

#### 6.6. Xây dựng Cổng thông tin du lịch

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử Sầm Sơn thành Cổng thông tin Du lịch Sầm Sơn, du khách có thể kết nối đến các Website du lịch tỉnh Thanh Hóa và của nhà hàng, khách sạn, đặt phòng trực tuyến, đặt tiệc; xem sự kiện nổi bật, thống kê số liệu, cẩm nang du lịch, bản đồ du lịch, phương tiện vận chuyển, địa điểm ATM, số điện thoại khẩn, bệnh viện và các dịch vụ khác; số hóa hình ảnh 3D Đền Độc Cước, Hòn Trống Mái; hỗ trợ trả lời qua hệ thống Chatbot.

- Tích hợp các dịch vụ công trực tuyến trên cổng thông tin du lịch; xây dựng bổ sung 02 địa điểm du lịch được số hóa 3D (chùa Cô Tiên, đền Tô Hiến Thành).

- Mua sắm hệ thống máy chủ ứng dụng cổng thông tin du lịch, máy chủ cơ sở dữ liệu cổng thông tin du lịch; dịch vụ bảo vệ Websites, Chatbot.

#### 6.7. Hệ thống cảnh báo thiên tai: Lắp đặt hệ thống cảnh báo thiên tai tại 02 vị trí thuộc bãi tắm A và B: Trạm cảnh báo thiên tai; hệ thống máy chủ xử lý và khai thác dữ liệu; phần mềm nghiệp vụ cảnh báo thiên tai.

#### 6.8. Hệ thống cảnh báo cháy nhanh: Lắp đặt cho 500 cơ sở kinh doanh, khách sạn, nhà hàng trên địa bàn thành phố Sầm Sơn, gồm: Hệ thống cảnh báo cháy; hệ thống máy chủ tại trung tâm dữ liệu; thiết bị báo cháy thông minh.

#### 6.9. Hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn: Hệ thống cáp quang ngầm và điện đi ngầm phục vụ cho hệ thống camera và Wifi; lắp đặt các tủ kỹ thuật cho các thiết bị Wifi và camera; hệ thống cắt sét; cột lắp đặt camera và Wifi.

#### 6.10. Cấu hình các trang thiết bị: Danh mục và cấu hình các trang thiết bị theo hồ sơ BCNCKT, Chứng thư thẩm định giá số 380/2020/CTTĐG/AVC ngày 22/6/2020 của Công ty TNHH Định giá Châu Á kèm theo.

### 7. Địa điểm đầu tư: Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

|                           |   |                           |
|---------------------------|---|---------------------------|
| <b>8. Tổng mức đầu tư</b> | : | <b>29.282 triệu đồng.</b> |
| <i>Trong đó:</i>          |   |                           |
| - Chi phí xây lắp         | : | 3.221 triệu đồng;         |
| - Chi phí thiết bị        | : | 22.903 triệu đồng;        |
| - Chi phí QLDA            | : | 653 triệu đồng;           |
| - Chi phí tư vấn          | : | 1.002 triệu đồng;         |
| - Chi phí khác            | : | 1.319 triệu đồng;         |
| - Chi phí dự phòng        | : | 191 triệu đồng.           |

*(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)*

**9. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách tỉnh hỗ trợ không quá 13.500 triệu đồng từ nguồn vốn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng chính quyền điện tử và phát triển dịch vụ tinh thông minh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017 - 2020; vốn ngân sách thành phố Sầm Sơn là 10.830 triệu đồng và các nguồn huy động hợp pháp khác là 4.952 đồng.

**10. Hình thức quản lý:** Chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

**11. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2019 - 2021.

**Điều 2.** UBND thành phố Sầm Sơn (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, công nghệ thông tin và nghiên cứu các ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 3657/SKHĐT-TĐ ngày 26/6/2020.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CNTT (2b).



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Xuân Liêm**

**PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

**Dự án: Xây dựng đô thị thông minh thành phố Sầm Sơn**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT      | Nội dung chi phí  | Ký hiệu      | Cách tính               | Giá trị       |              |               | Ghi chú |
|----------|---|--------------|-------------------------|---------------|--------------|---------------|---------|
|          |   |              |                         | Trước thuế    | Thuế VAT     | Sau thuế      |         |
| <b>1</b> | <b>Chi phí xây lắp</b>  | <b>Gxl</b>   | <i>Dự toán chi tiết</i> | <b>2.928</b>  | <b>293</b>   | <b>3.221</b>  |         |
| <b>2</b> | <b>Chi phí thiết bị</b>   | <b>Gtb</b>   | <i>Dự toán chi tiết</i> | <b>21.637</b> | <b>1.266</b> | <b>22.903</b> |         |
| 2.1      | Chi phí thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm thương mại         | Gtb1         |                         | 15.284        | 1.260        | 16.544        |         |
| 2.2      | Chi phí phần mềm nội bộ   | Gpm          |                         | 6.353         | 6            | 6.359         |         |
| <b>3</b> | <b>Chi phí QLDA</b>   | <b>Gqlda</b> |                         | <b>653</b>    | <b>-</b>     | <b>653</b>    |         |
| 3.1      | Chi phí thực hiện quản lý dự án                                     | Gthqlda      |                         | 544           |              | 544           |         |
| +        | <i>Phần hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin</i>                    |              | $2,010\% * (Gxl+Gtb1)$  | 366           |              | 366           |         |
| +        | <i>Phần mềm nội bộ</i>  |              | $2,809\% * Gpm$         | 178           |              | 178           |         |
| 3.2      | Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư                                   | Ggsdgdđt     | $20\% * Gthqlda$        | 109           |              | 109           |         |
| <b>4</b> | <b>Chi phí tư vấn đầu tư</b>  | <b>Gtv</b>   |                         | <b>911</b>    | <b>91</b>    | <b>1.002</b>  |         |
| 4.1      | Khảo sát phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi                     |              |                         | 39            | 4            | 43            |         |
| 4.2      | Lập báo cáo nghiên cứu khả thi                                      |              |                         | 161           | 16           | 177           |         |
| 4.3      | Chi phí thiết kế thi công và dự toán                                |              |                         | 408           | 41           | 449           |         |
| +        | <i>Phần hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin</i>                    |              | $1,065\% * (Gxl+Gtb1)$  | 194           | 19           | 213           |         |
| +        | <i>Phần mềm nội bộ</i>  |              | $3,376\% * Gpm$         | 214           | 21           | 236           |         |
| 4.4      | Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị |              |                         | 65            | 6            | 71            |         |
| +        | <i>Phần hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin</i>                    |              | $0,214\% * (Gxl+Gtb1)$  | 39            | 4            | 43            |         |
| +        | <i>Phần mềm nội bộ</i>  |              | $0,405\% * Gpm$         | 26            | 3            | 28            |         |
| 4.5      | Chi phí giám sát thi công lắp đặt phần cứng, cài đặt phần mềm       |              |                         | 238           | 24           | 262           |         |
| +        | <i>Phần hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin</i>                    |              | $0,590\% * (Gxl+Gtb1)$  | 107           | 11           | 118           |         |
| +        | <i>Phần mềm nội bộ</i>  |              | $2,063\% * Gpm$         | 131           | 13           | 144           |         |
| <b>5</b> | <b>Chi phí khác</b>   | <b>Gk</b>    |                         | <b>1.207</b>  | <b>112</b>   | <b>1.319</b>  |         |
| 5.1      | Chi phí kiểm thử phần mềm nội bộ                                    |              | <i>Dự toán</i>          | 92            | 9            | 101           |         |
| 5.2      | Chi phí thẩm định giá thiết bị và phần mềm                          |              | $0,181\% * Gtb$         | 39            | 4            | 43            |         |

|                  |  |            |                       |               |              |               |  |
|------------------|--|------------|-----------------------|---------------|--------------|---------------|--|
| 5.3              | Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán  |            | 0,119% *<br>TMĐT      | 35            |              | 35            |  |
| 5.4              | Chi phí kiểm toán  |            | 0,386% *<br>TMĐT      | 113           | 11           | 124           |  |
| 5.5              | Chi phí thuê đường truyền  |            | Dự toán               | 878           | 88           | 966           |  |
| 5.6              | Lệ phí thẩm định dự án đầu tư  |            | 0,009% *<br>TMĐT      | 2             |              | 2             |  |
| 5.7              | Lệ phí thẩm định thiết kế thi công   |            | 0,058% *<br>(Gxl+Gtb) | 14            |              | 14            |  |
| 5.8              | Lệ phí thẩm định dự toán   |            | 0,056% *<br>(Gxl+Gtb) | 14            |              | 14            |  |
| 5.9              | Lệ phí thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu thi công lắp đặt thiết bị và cài đặt phần mềm |            | 0,05% *<br>(Gxl+Gtb)  | 13            |              | 13            |  |
| <b>6</b>         | <b>Chi phí dự phòng</b>  | <b>Gdp</b> |                       | <b>191</b>    |              | <b>191</b>    |  |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |  |            |                       | <b>27.521</b> | <b>1.761</b> | <b>29.282</b> |  |